



TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn – Quận Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (0243) 8641212 Fax: (0243) 8642249

Website: www.pgas.petrolimex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101447725, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 29/11/2021.
- Vốn điều lệ: 603.426.380.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (024)38 641 212, (04)38 642 243,
- Số fax: (024)38 642 249; (04)36 641 197
- Website: www.pgas.petrolimex.com.vn
- Mã cổ phiếu: PGC

Quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn từ năm 1998 trở về trước, các Công ty xăng dầu trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đều hoạt động kinh doanh Gas thông qua các Xí nghiệp Gas trực thuộc. Từ năm 1999 trở đi, nền kinh tế đất nước phát triển mạnh, nhu cầu sử dụng Gas trong công nghiệp và dân dụng tăng mạnh và trên thị trường đã hình thành ngành kinh doanh Gas độc lập với tốc độ tăng trưởng của thị trường khá cao; Trước tình hình đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đã quyết định tách bộ phận kinh doanh Gas thành đơn vị kinh doanh độc lập để chuyên doanh mặt hàng này nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong toàn công ty; theo đó ngày 25/12/1998, Bộ trưởng Bộ Thương Mại đã kí quyết định số 1653/QĐ-BTM thành lập Công ty Gas Petrolimex trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Công ty Gas là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản tiền Việt Nam và tài khoản ngoại tệ tại ngân hàng.

- Ngày 3/12/2003, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ký quyết định số 1669/2003/QĐ-BTM chuyển Công ty Gas thành Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (PGC).
- Ngày 14/01/2004, Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103003549.
- Ngày 05/02/2013, Công ty chính thức đổi tên thành Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP theo giấy đăng ký kinh doanh số 0101447725, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

▪ **Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;**

➤ Kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện;

▪ Tư vấn đầu tư, chuyên giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng theo qui định của pháp luật;

▪ Kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

▪ Dịch vụ thương mại;

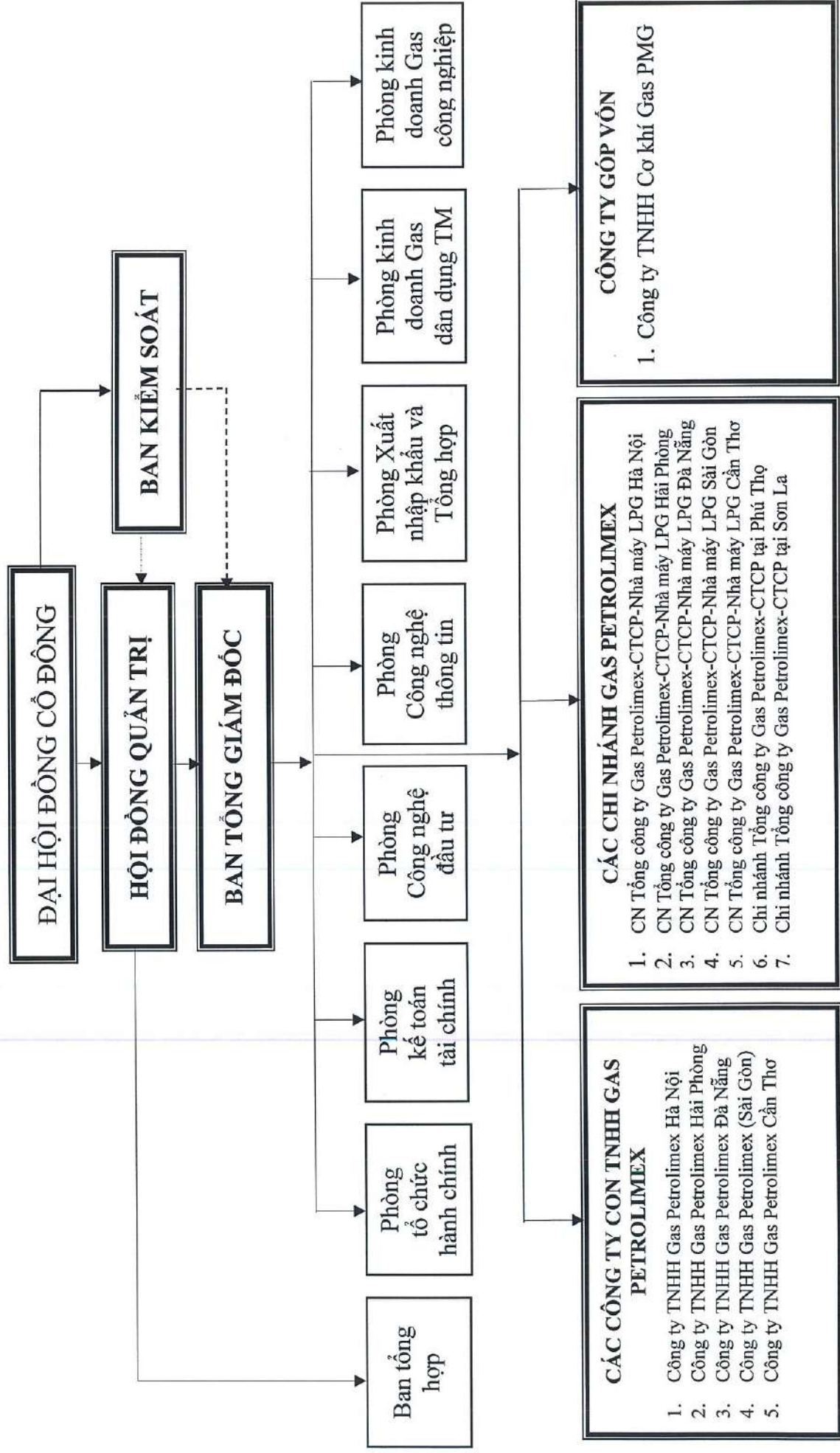
▪ Kinh doanh địa ốc và bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá)

Hoạt động kinh doanh Gas là hoạt động chủ yếu của công ty. Doanh thu từ hoạt động này chiếm trên 90% doanh thu của Tổng công ty. Tổng Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống các Công ty con 100% vốn và các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc. Tổng Công ty cũng cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với Gas LPG như bình gas, van bình, bồn chứa Gas.

❖ **Địa bàn kinh doanh:** Rộng khắp các tỉnh, thành trên cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Cơ cấu tổ chức bộ máy



Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội.**
 - Địa chỉ: 775 Giải Phóng - phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **20.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.**
 - Địa chỉ: Tầng 4 toà nhà TD Business Center, Lô 20A đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **30.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng.**
 - Địa chỉ: Số 122 Đường 2 tháng 9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **40.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn).**
 - Địa chỉ: Số 322 Điện Biên Phủ, P22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **70.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ.**
 - Địa chỉ: 346-348, Võ Văn Kiệt, khu vực 4, phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **27.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Cơ Khí gas PMG.**
 - Địa chỉ: Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TT Nhà bè, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng bình gas.
 - Vốn điều lệ thực góp: **22.524.919.267**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 51%.

4. ***Định hướng phát triển***

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty.**

- Phát triển Tổng công ty là một trong những đơn vị hàng đầu trong kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng tại thị trường Việt Nam, đẩy mạnh gia tăng thị phần; nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới như LNG, CNG bên cạnh mặt hàng LPG truyền thống;
- Phát huy giá trị của thương hiệu Petrolimex; tận dụng thế mạnh của kênh phân phối trực tiếp và kênh phân phối qua hệ thống các công ty xăng dầu Petrolimex trong công tác kinh doanh và phát triển thị trường;
- Phát triển bền vững, gia tăng giá trị doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động;
- Công tác an ninh, an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được đảm bảo trên toàn Tổng công ty.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

➤ **Chiến lược thị trường:**

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay của nước ta, việc hội nhập với thế giới ngày càng cần thiết, đa dạng là tất yếu, chính vì vậy Tổng công ty nhận định việc mở rộng thị trường là điều kiện cần thiết để phát triển doanh nghiệp. Trong những năm tới Tổng công ty sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư hệ thống kho tồn chứa và phân phối tại các Cảng, kho đầu mối, nâng cao năng lực quản trị hàng dự trữ, củng cố khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới, phân tích và tìm kiếm vùng thị trường còn trống. Duy trì phát triển theo hướng đa ngành nghề và trực chính là kinh doanh Gas để tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh của Tổng công ty sau này.

Nghiên cứu và triển khai tái cấu trúc Tổng công ty để nâng cao khả năng khai thác các nguồn lực, hệ thống kho đầu mối.... phù hợp với chiến lược thị trường.

➤ **Chiến lược phân phối:**

Đặc thù kinh doanh của Tổng công ty chủ yếu là lĩnh vực thương mại nên việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển đa dạng các kênh phân phối tại các vùng thị trường trọng điểm cũng như kênh phân phối được thiết lập tại hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tổng công ty xác định Gas là sản phẩm đặc thù cần đảm bảo an toàn trong khai thác, vận chuyển và sử dụng. Chính vì vậy, ngoài việc bán hàng đơn thuần, Tổng công ty gắn công tác dịch vụ kỹ thuật và công tác dịch vụ sau bán hàng để khẳng định Gas Petrolimex chính là sự lựa chọn tin cậy của khách hàng.

➤ **Chiến lược giá:**

Thị trường khí dầu mỏ hoá lỏng tại Việt Nam trong vài năm trở lại đây là một trong những lĩnh vực cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong đó bao gồm cả cạnh tranh về giá. Mặc dù vậy, chiến lược giá của Tổng công ty luôn xác định mức giá phù hợp với thị trường trên cơ sở khả năng tài chính của Tổng công ty để cùng một số Hãng Gas lớn khác bình ổn thị trường nhằm đảm bảo hài hoà các lợi ích giữa Người tiêu dùng và Nhà phân phối.

➤ **Chiến lược nguồn nhân lực:**

Nhân tố con người là nguồn lực tài chính vô hình góp phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công, phát triển của doanh nghiệp. Do đó công tác quản trị nguồn nhân lực của Tổng công ty tập trung vào:

- + Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nhằm tạo ra động lực phát triển, từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm.
- + Thường xuyên đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ nhân viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.
- + Từng bước cải tiến cơ cấu tổ chức, tiền lương, tiền thưởng hợp lý nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động cũng như tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi cán bộ công nhân viên tự khẳng định mình.
- + Tạo điều kiện để mọi người lao động trong Tổng công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của công ty nhằm phát huy tinh thần làm chủ, gắn bó thực sự lâu dài với Tổng công ty.

5. Các rủi ro

➤ **Rủi ro về biến động giá**

Sản phẩm kinh doanh của PGC là các chế phẩm từ dầu mỏ, là nguồn nguyên liệu đang dần cạn kiệt và bị điều tiết về giá cả và sản lượng bởi tổ chức OPEC. Do vậy, sự biến động khó lường về giá dầu mỏ trong năm và phụ thuộc nguồn cung ở nước ngoài đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, nhưng dầu ra lại không thể thay đổi giá nhanh như đầu vào do bị sức ép về mặt bằng giá bán trên thị trường của khách hàng, đối thủ cạnh tranh. Mặt khác, biến động khó lường về giá cũng là yếu tố rủi ro rất lớn về chênh lệch tồn kho đối với doanh nghiệp kinh doanh đầu mối như PGC.

➤ **Rủi ro về biến động tỷ giá**

PGC là một doanh nghiệp kinh doanh mà đầu vào phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Biến động về tỷ giá sẽ tác động rất lớn đến chi phí đầu vào. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước cũng như những biến động về nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới.

➤ **Rủi ro về pháp luật:**

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với lĩnh vực kinh doanh khí hóa lỏng chịu sự ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật Chứng khoán, Luật dầu khí, Luật phòng cháy chữa cháy, ... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thực sự nhất quán, chông chéo, áp dụng vào thực tế còn nhiều bất cập.

➤ **Rủi ro về khí hậu:**

Sự thay đổi của khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng ít nhiều đến sản lượng tiêu

thụ gas hóa lỏng LPG của PGC.

➤ **Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh:**

Các doanh nghiệp và nền kinh tế bị tác động nặng nề từ thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là các loại dịch bệnh có ảnh hưởng ở quy mô khu vực và quốc tế như Covid-19, Sars, Ebola, Sởi... Hiện tại và lịch sử đã chứng minh, khi dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không những ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội của toàn thế giới nói chung, và của từng nước nói riêng, tình hình sản xuất kinh doanh bị đình trệ/giảm sút, hàng ngàn doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn bị đóng cửa hoặc phá sản, hàng triệu lao động bị mất việc làm...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2023 được thể hiện qua một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	TH 2023	So sánh (%)	
						C.Kỳ 2022	KH 2023
1	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	tr.đ	4.014.358	4.154.429	3.543.966	88,3%	85,3%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	tr.đ	160.212	135.000	135.606	84,6%	100,4%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	tr.đ	126.618	101.500	101.909	80,5%	100,4%
	Trong đó: Phân bổ cho Cổ đông của công ty mẹ	tr.đ	121.350	96.404	95.301	78,5%	98,9%
4	Tỷ lệ LNST (phần của cổ đông công ty mẹ/Vốn điều lệ)	tr.đ	20,1%	16,0%	15,8%	78,5%	98,9%
5	Tỷ lệ Cổ tức/vốn góp	%	15%	Tối thiểu 12%	12%	80,0%	100,0%

(Số liệu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023)

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 135,6 tỷ đồng, đạt 100,4% so với kế hoạch năm 2023 và bằng 80,5% so với năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ **Ban điều hành:**

- Ông Nguyễn Hữu Quang: UV HĐQT, Tổng Giám đốc
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- Ông Phạm Thanh Sơn: Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/7/2023).
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế LĐTTL, ĐHKQTĐ
 - Số cổ phần nắm giữ: 2 CP
- Ông Nguyễn Khắc Trí: UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, ĐH Bách Khoa HN.
 - Số cổ phần nắm giữ: 34.084 CP

- 4) Ông Nguyễn Đăng Công: Phó Tổng Giám đốc
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 5) Bà Đỗ thị Vân Chi: Phó Tổng Giám đốc
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 6) Ông Bùi Thanh Định Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/4/2023
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 7) Ông Nguyễn Việt Dũng Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/4/2023
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Hàng Hải Việt Nam
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 8) Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền: Kế toán trưởng
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân
 - Số cổ phần nắm giữ: 0

❖ **Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Bổ nhiệm mới:

Ông Bùi Thanh Định - Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/4/2023.

Ông Nguyễn Việt Dũng - Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/4/2023.

- Nghi hưu theo chế độ:

Ông Phạm Thanh Sơn - Phó Tổng Giám đốc (kể từ ngày 01/7/2023).

- ❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động:** được trình bày tại mục 6 - báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty.

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

a. **Một số công trình trọng điểm:**

Công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng để phục vụ tốt hơn cho công tác bán hàng. Trong năm 2023, Tổng công ty tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm; đầu tư bổ sung máy đóng nạp, máy bơm tại các trạm nạp để tăng công suất đóng nạp tại các chi nhánh, trạm nạp.

b. **Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty con, công ty liên kết năm 2023:**

- ❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	20.000	20.000	100%
2	Doanh thu thuần	461.766	450.410	98%
3	Lợi nhuận sau thuế	13.607	11.780	87%
4	Tổng tài sản	94.949	100.272	106%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	30.000	30.000	100%
2	Doanh thu thuần	808.689	740.340	92%
3	Lợi nhuận sau thuế	14.386	10.679	74%
4	Tổng tài sản	179.220	189.099	106%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	40.000	40.000	100%
2	Doanh thu thuần	677.426	561.957	83%
3	Lợi nhuận sau thuế	15.309	13.437	88%
4	Tổng tài sản	132.937	137.023	103%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	70.000	70.000	100%
2	Doanh thu thuần	836.093	743.101	89%
3	Lợi nhuận sau thuế	26.458	28.016	106%
4	Tổng tài sản	160.874	169.411	105%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	27.000	27.000	100%
2	Doanh thu thuần	287.004	250.846	87%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.144	1.381	44%
4	Tổng tài sản	78.492	81.594	104%

❖ **Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	22.525	22.525	100%
2	Doanh thu thuần	284.430	236.836	83%
3	Lợi nhuận sau thuế	11.238	11.416	102%
4	Tổng tài sản	71.564	64.975	91%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	So sánh (%)
Tổng giá trị tài sản	2.521.592	2.535.919	101%
Doanh thu thuần	4.014.358	3.543.966	88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	153.269	134.369	88%
Lợi nhuận khác	6.943	1.236	18%
Lợi nhuận trước thuế	160.212	135.606	85%
Lợi nhuận sau thuế	126.618	101.909	80%
Tỷ lệ trả cổ tức	15%	12%	80%

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán)

c) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,15	1,18
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,06	1,07
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,66
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,12	1,92
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,59	1,40
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	20,59	19,03
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,15%	2,88%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,68%	11,73%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,02%	4,02%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,82%	3,79%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 60.342.638 cổ phần (toàn bộ là cổ phần phổ thông)
- Số cổ phiếu quỹ: 3.353 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 60.339.285 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

❖ Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)
CĐ sở hữu trên 5% CP	31.604.299	52,37%	-	0,00%	31.604.299	52,37%
CĐ sở hữu từ 1% đến 5% CP	19.368.057	32,10%	-	0,00%	19.368.057	32,10%
CĐ sở hữu dưới 1% CP	7.992.198	13,24%	1.378.084	2,28%	9.370.282	15,53%

❖ Cơ cấu vốn cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	31.604.299	52,37%	-	0,00%	31.604.299	52,37%
2. Cổ đông khác	27.360.255	45,34%	1.378.084	2,28%	28.738.339	47,63%
2.1 Cá nhân	22.389.534	37,10%	523.781	0,87%	22.913.315	37,97%
2.2 Tổ chức	4.970.721	8,24%	854.303	1,42%	5.825.024	9,65%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có thay đổi.d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch.e) **Các chứng khoán khác:** Không phát hành.**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty**❖ **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Các nguyên vật liệu sử dụng đều được Tổng công ty khoán định mức.

❖ **Tiêu thụ năng lượng**

Sử dụng điện cho hoạt động sản xuất:

Đơn vị tính: triệu 1.000kw

STT	Đơn vị	2022	2023
1	Nhà máy LPG Hà Nội	390	401
2	Nhà máy LPG Hải Phòng	283	297
3	Nhà máy LPG Đà Nẵng	267	203
4	Nhà máy LPG Sài Gòn	168	153
5	Nhà máy LPG Cần Thơ	221	232

❖ **Tiêu thụ nước:**

- **Nguồn cung cấp:** Nguồn nước tại PGC được sử dụng là nguồn nước sạch của Công ty cấp thoát nước thuộc các tỉnh, thành phố nơi PGC có địa bàn hoạt động, dùng cho mục đích sản xuất (vệ sinh vỏ bình gas, vệ sinh máy móc, thiết bị nhà máy, phòng cháy chữa cháy...) và sinh hoạt (nấu ăn, vệ sinh, tưới cây...)

- **Khối lượng nước tiêu thụ trong năm:**

Đơn vị: m³

STT	Đơn vị	2022	2023
1	Nhà máy LPG Hà Nội	1.436	975
2	Nhà máy LPG Hải Phòng	2.577	3.121
3	Nhà máy LPG Đà Nẵng	4.387	2.783
4	Nhà máy LPG Sài Gòn	2.774	2.386
5	Nhà máy LPG Cần Thơ	680	1.175

- *Biện pháp giúp tiết kiệm nguồn nước:* Để sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước, PGC đã tiến hành lắp đặt toàn bộ đồng hồ nước có kiểm định của đơn vị cấp nước thành phố cho tất cả các đơn vị sử dụng nước. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống sử dụng nước và xử lý kịp thời nếu có các rò rỉ nước. Nâng công suất hệ thống máy móc rửa bình gas tiết kiệm nước. Có theo dõi thống kê hàng tháng, nhắc nhở tắt mở, sử dụng đúng mục đích và giáo dục ý thức tiết kiệm. Ngoài ra Tổng công ty đang theo dõi để khoán định mức chuẩn nước sử dụng từng nhà máy.

❖ ***Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:***

Tổng công ty luôn tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Hiện tại, toàn bộ các nhà máy, trạm nạp của Tổng công ty đều có các đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được các sở tài nguyên và môi trường tại địa phương kiểm tra, đo đạc và phê duyệt.

❖ ***Chính sách liên quan đến người lao động:***

Tổng số lao động của Tổng Công ty (bao gồm cả Công ty con 100% vốn góp) đến thời điểm 31/12/2023 là 951 lao động, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện như sau:

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Trên đại học	30	3,15%
Đại học và Cao đẳng	529	55,63%
Trung cấp	96	10,10%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	280	29,44%
Phổ thông	16	1,68%
Tổng	951	100%

Thu nhập bình quân năm 2023 là 15,947 triệu đồng/người/tháng. Trong đó thu nhập bình quân người lao động là 15,522 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân người quản lý là 61,648 triệu đồng/người/tháng.

▪ **Chính sách đào tạo.**

Tổng công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với CBCNV như sau:

- Đối với lao động trực tiếp: Trên cơ sở mục tiêu chiến lược, tiêu chuẩn chức danh công việc, thiết kế khung đào tạo và tự tổ chức các chương trình đào tạo tại Tổng

công ty. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tổng công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia học tập, nghiên cứu cả trong và ngoài nước về các ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước... Những cán bộ công nhân viên do Tổng công ty cử đi học được thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

▪ **Chính sách lương, thưởng**

Tiếp tục hoàn thiện qui chế tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động làm cơ sở để trả lương, thưởng cho lao động tại đơn vị. Đối với tiền lương: Sửa đổi, hoàn thiện giao kế hoạch lao động tiền lương đối với các Công ty thành viên; chỉ tiêu giao khoán đơn giá tiền lương gắn mục tiêu sản lượng, nhưng quyết toán có gắn với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận nhằm giữ vững & tăng thị phần gas Petrolimex thị phần, đồng thời đảm bảo hiệu quả tại các đơn vị. Đối với tiền thưởng gắn với hiệu quả kinh doanh của tập thể và thành tích của cá người lao động.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2023 là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu với xung đột địa chính trị, chiến tranh xảy ra tại các khu vực xuất khẩu dầu mỏ, sức cầu của các nền kinh tế lớn giảm mạnh trong bối cảnh lạm phát, lãi suất tăng cao, rủi ro an ninh năng lượng, an ninh lương thực, tài chính - tiền tệ gia tăng...

Đối với kinh tế trong nước, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành và địa phương đã ban hành hàng loạt cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tập trung vào nhóm chính sách tài khóa (giãn hoãn, giảm thuế và phí), chính sách tiền tệ (giảm lãi suất, các gói tín dụng ưu đãi, cho phép cơ cấu lại nợ...)... Những quyết sách này đã góp phần hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp và tạo đà phục hồi cho nền kinh tế. Tuy vậy, nền kinh tế trong nước cũng đối mặt với nhiều yếu tố không thuận lợi như xuất khẩu giảm, doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn khiến khả năng hấp thụ vốn thấp, thu ngân sách giảm, một số thị trường như trái phiếu, bất động sản chậm phục hồi, năng suất lao động của nền kinh tế vẫn rất thấp so với các nước trong khu vực.

Giá năng lượng nói chung và giá dầu thô nói riêng biến động mạnh do ảnh hưởng từ các xung đột địa chính trị, chiến tranh kéo dài đã gây ra những tác động nặng nề tới thị trường hàng hoá, tài chính toàn cầu. Dưới tác động của biến động giá dầu cũng như yếu tố cung cầu, vận chuyển, giá LPG thế giới cũng biến động rất lớn trong năm 2023, cụ thể sau khi tăng mạnh tới 192 USD/tấn vào tháng 02/2023, giá LPG thế giới giảm liên tục từ tháng 03~07/2023 với tổng mức giảm lên tới 390 USD/tấn, đây là mức

giảm giá rất lớn tương đương 50% giá trị, gây thiệt hại lớn về chênh lệch giá cho các công ty kinh doanh LPG. Về tổng thể, giá LPG thế giới bình quân cả năm 2023 đạt 576 USD/tấn, giảm 159 USD/tấn so với bình quân năm trước.

Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông tiếp tục ảnh hưởng tới ngành hàng LPG, làm giảm nhu cầu tiêu thụ LPG trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ (nhà hàng, quán ăn).

Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong ngành hàng (hàng trộn chất lượng thấp, sang chiết nạp trái phép, chiếm dụng vỏ bình...) vẫn diễn ra gay gắt cùng với đó là sự cạnh tranh của nhiên liệu thay thế (khí thấp áp, CNG trong công nghiệp và bếp điện, bếp từ trong dân dụng).

Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và của ngành kinh doanh gas nói riêng còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Tổng công ty tiếp tục nhận thức được những điểm mạnh, điểm yếu của Tổng công ty trước các đối thủ cạnh tranh cùng ngành hàng. Trên cơ sở này, ngay từ đầu năm 2023, Tổng công ty tiếp tục rà soát, đánh giá lại chính sách sản phẩm, mạng lưới phân phối hiện có, đặc biệt là kênh bán trực tiếp để thiết lập, quy hoạch lại mạng lưới các cửa hàng, điểm bán, từ đó xây dựng các bài toán để tiếp cận, phát triển thị trường còn trống gas Petrolimex, xác lập chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn, bao gồm chiến lược về mạng lưới, kênh phân phối, chính sách sản phẩm, mô hình tổ chức cũng như con người và hệ thống cơ sở vật chất, công nghệ.

Mặc dù trong bối cảnh thị trường LPG còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ các yếu tố khách quan nhưng với các giải pháp kinh doanh phù hợp, bên cạnh đó là sự ủng hộ của các cổ đông của Tổng công ty, trong đó cổ đông lớn nhất là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, đặc biệt là sự cố gắng, đồng lòng và quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động, Tổng công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận do Đại hội cổ đông đề ra. Bên cạnh đó, sản lượng xuất bán vẫn được duy trì trong bối cảnh tổng nhu cầu LPG toàn thị trường trong năm vừa qua sụt giảm. Tổng công ty là vẫn là đơn vị có kết quả về chỉ tiêu lợi nhuận cao nhất trong số các hãng kinh doanh thuần LPG được niêm yết trên thị trường chứng khoán, cố gắng được duy trì ổn định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông của Tổng công ty; các chính sách về tiền lương, khen thưởng, an sinh xã hội ... đối với người lao động trong Tổng công ty được quan tâm đầy đủ.

Việc đạt được các kết quả trên đây là nhờ Tổng công ty đã thực hiện các nhóm giải pháp sau:

❖ **Công tác kinh doanh:**

- ***Công tác tạo nguồn và đảm bảo nguồn hàng:***

Tổng công ty tiếp tục thực hiện các chính sách linh hoạt trong khâu tạo nguồn, đa dạng hoá nguồn hàng cung ứng, duy trì quan hệ hợp tác mua hàng với nhiều nhà

cung cấp đều là các đơn vị có uy tín trong nước và trong khu vực, vì vậy thường xuyên có được giá nhập mua cạnh tranh trong các kỳ đàm phán mua hàng. Tổng công ty cũng tích cực khai thác các nguồn hàng nhập khẩu được ưu đãi về thuế nhập khẩu theo các hiệp định ưu đãi thuế quan để hỗ trợ cho công tác bán hàng.

Tổng công ty tiếp tục chú trọng công tác thu thập thông tin thị trường, giao dịch quốc tế và khu vực, diễn biến giá thế giới, tình hình nguồn cung để hỗ trợ cho công tác đảm bảo nguồn hàng cũng như hoạt động kinh doanh. Thông tin về diễn biến giá thế giới, tình hình thị trường, nguồn cung thế giới, cước tàu vận chuyển... được cập nhật hàng ngày để phục vụ công tác đảm bảo nguồn cũng như công tác bán hàng.

- ***Kinh doanh gas rời:***

Trước những khó khăn mang tính khách quan của thị trường, Tổng công ty đã chủ động tập trung đẩy mạnh công tác tiếp thị để tìm kiếm, phát triển khách hàng mới nhằm bù đắp sản lượng sụt giảm của các khách hàng hiện tại. Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục xây dựng chính sách giá bán linh hoạt cũng như tăng cường công tác dịch vụ kỹ thuật,... để giữ chân các khách hàng truyền thống, các khách hàng có sản lượng tiêu thụ ổn định, khả năng thanh toán tốt.

- ***Kinh doanh gas bình:***

Tổng công ty thực hiện tập trung tối đa nguồn lực để gia tăng sản lượng bán hàng với các giải pháp sau:

- + Đối với kênh trực tiếp: đẩy mạnh phát triển các cửa hàng, điểm bán tại các vùng thị trường còn dư địa gas bình dân dụng và tạo đà tăng trưởng của kênh bán hàng trực tiếp đến người tiêu dùng; triển khai xây dựng cơ chế và chính sách bán hàng (chính sách giá bán, khuyến mại, tiếp thị, công tác tổ chức bán hàng) ngay từ thời kỳ đầu hoạt động đối với các cửa hàng, điểm bán mới mở. Đối với bình gas thương mại, Tổng công ty thực hiện các chính sách thi đua khen thưởng để các tập thể, cá nhân trong Tổng công ty tập trung các giải pháp phát triển khách hàng gas thương mại, góp phần đưa sản lượng bình thương mại có sự tăng trưởng so với cùng kỳ.
- + Đối với kênh bán các đơn vị xăng dầu trong ngành: Tổng công ty đã triển khai các cơ chế bán hàng thông qua hình thức chiết khấu bán hàng để tạo sự chủ động cho các đơn vị xăng dầu thực hiện các chương trình phát triển thị trường, đồng thời triển khai các chương trình hợp tác, hỗ trợ kinh doanh khác theo đặc thù thị trường của từng đơn vị.
- + Đối với kênh đại lý ngoài ngành, Tổng công ty tiếp tục có các chính sách phù hợp nhằm duy trì, phát triển và mở rộng mạng lưới; thực hiện quy hoạch lại mạng lưới đại lý tại một số vùng thị trường, tập trung gia tăng sản lượng đối với một số khách hàng truyền thống có nhiều tiềm năng, khai thác thêm đại lý mới là hộ kinh doanh bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng nhằm giữ ổn định và từng

bước gia tăng sản lượng đối với kênh đại lý ngoài ngành.

- + Năm 2023 Tổng công ty đã thực hiện chương trình khuyến mại nhằm tri ân cho khách hàng mua bình gas dân dụng Petrolimex trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/08/2023 đến hết ngày 31/10/2023 với 2 kỳ quay số trúng thưởng. Chương trình này lần đầu tiên tổ chức ở cấp Tổng công ty và đã tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa, khuyến khích được nhiều khách hàng tham gia. Tổng công ty sẽ tổng kết, đánh giá hiệu quả của chương trình để rút kinh nghiệm, xem xét triển khai các chính sách bán hàng trong năm 2024 và thời gian tiếp theo.
- + Công tác phát triển sản phẩm mới: Trong năm vừa qua, Tổng công ty đã triển khai đưa ra thị trường hai sản phẩm gas bình mới, bao gồm một sản phẩm bình gas dân dụng và một sản phẩm bình gas thương mại cỡ trung, bước đầu đã đem lại hiệu quả khả quan. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng tích cực nghiên cứu để tìm cơ hội kinh doanh đối với các sản phẩm CNG, LNG... để tăng hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.
- + Công tác PR, quảng cáo, chống gian lận thương mại: Công tác PR, quảng cáo tiếp tục được chú trọng với nhiều hình thức quảng bá thương hiệu đa dạng nhằm thông tin tới người tiêu dùng chất lượng sản phẩm và dịch vụ vượt trội của Gas Petrolimex qua các kênh truyền thông như Facebook, website, báo in... Công tác chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái cũng được chú trọng với nhiều hình thức phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước (báo chí, quản lý thị trường...).

❖ **Công tác tổ chức, nhân sự:**

Tổng công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, cụ thể lựa chọn, sắp xếp bố trí cán bộ có đủ năng lực, uy tín vào vị trí phù hợp để phát huy vai trò của cán bộ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Tổng công ty; thực hiện tinh giản bộ máy quản lý, ưu tiên tối đa cho lao động bán hàng; đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động để từng bước nâng cao năng suất lao động; thường xuyên rà soát, đánh giá, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động; thực hiện giao khoán tiền lương triệt để đến từng bộ phận, cá nhân người lao động.

Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua với mục đích vừa tạo sự gắn kết của người lao động cũng như vừa kích thích các hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển, khen thưởng kịp thời đối với đơn vị tăng trưởng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch và đóng góp vào thành tích chung của Tổng công ty.

❖ **Công tác tài chính:**

Tổng công ty tiếp tục chú trọng tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, khai thác tối đa hiệu quả dòng tiền để đem lại hiệu quả tài chính, góp phần vào hiệu quả chung của toàn Tổng công ty.

Công tác công nợ và an toàn tài chính tiếp tục được chú trọng trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Tổng công ty tiếp tục thực hiện đôn đốc, theo dõi diễn biến công nợ tại các đơn vị trực thuộc; trực tiếp kiểm tra và chấn chỉnh công tác quản lý tại các cửa hàng, chi nhánh, không để phát sinh công nợ tồn đọng mới; trực tiếp làm việc thu hồi nợ tại các đơn vị nợ quá hạn; tiếp tục triển khai bảo lãnh khi ký hợp đồng bán hàng; phân loại công nợ, đối tượng nợ và triển khai một số biện pháp mạnh để thu hồi nợ.

❖ **Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý kỹ thuật:**

Công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng để phục vụ tốt hơn cho công tác bán hàng. Trong năm 2023, Tổng công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh triển khai các công trình trọng điểm; đầu tư bổ sung máy đóng nẹp, máy bơm tại các trạm nẹp để tăng công suất đóng nẹp tại các chi nhánh, trạm nẹp.

Tổng công ty tiếp tục duy trì công tác bảo dưỡng thường xuyên, kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường và kiểm định các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đúng định kỳ, kịp thời phát hiện, khắc phục những tồn tại nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục tại các Nhà máy, trạm nẹp, chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh lao động..., nhờ đó trong năm qua trên toàn Tổng công ty duy trì an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh, không để xảy ra sự cố mất an toàn nào. Công tác quản lý, giám sát chất lượng bình gas đóng nẹp, chất lượng vỏ bình tái kiểm định, công tác quản lý hàng hoá, cải tiến quy trình sản xuất tiếp tục được tăng cường và chú trọng.

❖ **Công tác công nghệ thông tin:**

Tổng công ty tiếp tục chú trọng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp; từng bước triển khai chuyển đổi số trong phạm vi toàn Tổng công ty. Hệ thống công nghệ thông tin được vận hành ổn định, đảm bảo công tác an ninh, an toàn dữ liệu đồng thời hỗ trợ tốt cho công tác bán hàng, góp phần nâng cao chất lượng của công tác quản trị nội bộ cũng như tính chính xác và kịp thời của các quyết định quản lý.

❖ **Công tác an sinh, xã hội:**

Năm 2023 Tổng công ty kỷ niệm 25 năm ngày thành lập, một cột mốc đáng tự hào trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Tổng công ty. Nhân dịp này, Tổng công ty đã thực hiện nhiều chương trình, chính sách nhằm tri ân khách hàng cũng như các cán bộ, người lao động thế hệ trước (“uống nước, nhớ nguồn”); khen thưởng những lao động xuất sắc, tiêu biểu đóng góp hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; thực hiện các chương trình an sinh, xã hội, đảm bảo đời sống cho người lao động, ủng hộ quỹ vì người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam dioxin... Các chương trình, chính sách này đã đem lại hiệu quả thiết thực và là tiền đề để Tổng công ty tiếp tục triển khai trong các giai đoạn tiếp theo.

2. Tình hình tài chính

❖ Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2021	2022	2023
I	Tổng tài sản	2.427.626	2.521.592	2.535.919
1	Tài sản ngắn hạn	1.841.734	1.912.555	1.895.537
2	Tài sản dài hạn	585.893	609.037	640.382
II	Tổng nguồn vốn	2.427.626	2.521.592	2.535.919
1	Nợ phải trả	1.558.874	1.714.306	1.666.954
-	Nợ ngắn hạn	1.485.213	1.660.459	1.601.286
-	Nợ dài hạn	73.661	53.847	65.668
2	Vốn chủ sở hữu	868.753	807.286	868.965

❖ Tài sản ngắn hạn:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2021	2022	2023
I	Tài sản ngắn hạn	1.841.734	1.912.555	1.895.537
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	58.900	51.143	69.347
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.153.088	1.256.534	1.204.859
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	413.037	418.188	415.106
4	Hàng tồn kho	195.056	150.778	175.752
5	Tài sản ngắn hạn khác	21.653	35.912	30.474

❖ Tài sản dài hạn:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2021	2022	2023
I	Tài sản dài hạn	585.893	609.037	640.382
1	Các khoản phải thu dài hạn	355	264	181
2	Tài sản cố định	315.035	284.716	299.421
3	Bất động sản đầu tư	6.644	6.461	6.278
4	Tài sản dở dang dài hạn	2.797	44.632	8.324
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	77.000
6	Tài sản dài hạn khác	261.062	272.963	249.177

❖ Nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2021	2022	2023
I	Tài sản dài hạn	2.427.626	2.521.592	2.535.919
1	Nợ phải trả	1.558.874	1.714.306	1.666.954
2	Vốn chủ sở hữu	868.753	807.286	868.965

❖ Nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2021	2022	2023
I	Nợ phải trả	1.558.874	1.714.306	1.666.954
1	Nợ ngắn hạn	1.485.213	1.660.459	1.601.286

2	Nợ dài hạn	73.661	53.847	65.668
---	------------	--------	--------	--------

❖ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**

STT	Chi tiêu	2021	2022	2023
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,24	1,15	1,18
2	Khả năng thanh toán nhanh	1,11	1,06	1,07
3	Khả năng thanh toán tức thời	0,82	0,79	0,80

Chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2023 >1, cho thấy Tổng công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

❖ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:**

STT	Chi tiêu	2021	2022	2023
1	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,48	1,59	1,40
2	Vòng quay hàng tồn kho	17,31	20,59	19,03

Chỉ số về doanh thu thuần/Tổng tài sản, vòng quay hàng tồn kho của Tổng công ty năm 2023 giảm so với năm 2022 phản ánh tình hình khó khăn của năm 2023 do ảnh hưởng tình hình khó khăn chung của nền kinh tế.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ, Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh.

4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Hàng năm Tổng công ty đều lập và triển khai kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đảm bảo quyền lợi, chế độ lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng cho người lao động như đã cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể đồng thời phù hợp với chính sách phát triển dài hạn của Tổng công ty.
- Năm 2023, không có tranh chấp về lao động và quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra. Quyền lợi của người lao động được đảm bảo. Người lao động đều muốn gắn bó, làm việc lâu dài tại Tổng công ty.

b. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tổng công ty nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ, tham gia công tác xã hội - từ thiện. Tích cực vận động và nhận được sự tham gia rất nhiệt tình ủng hộ từ CB-NLD cho công tác xã hội, từ thiện, đóng góp cho các quỹ: Vì người nghèo, vì trẻ em khuyết tật, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, phối hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Tập đoàn Xăng dầu Việt nam tổ chức chương trình hiến máu tình nguyện với số lượng là 200 người tham gia.

Năm 2023, Tổng công ty đã nộp ngân sách nhà nước trên toàn hệ thống là 175 tỷ đồng (năm 2022 là 197 tỷ đồng)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty.

Tổng kết năm 2023, Tổng công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh khả quan. Tổng doanh thu thuần đạt 3.544 tỷ đồng, đạt 85,3% kế hoạch năm và bằng 88,3% thực hiện năm 2022; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 135,6 tỷ đồng, đạt 100,4% kế hoạch năm và bằng 84,6% so với thực hiện năm 2022. Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ, ... Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật trong toàn Tổng công ty, nhờ đó công tác quản lý hàng hóa đã được cải thiện rõ rệt, không còn hiện tượng thiếu hàng tại các kho, trạm của Tổng công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2023, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh Tổng công ty, cụ thể:

- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, sát sao, trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tổng công ty và cổ đông.
- Triển khai, chỉ đạo các Phòng/Ban nghiệp vụ, các đơn vị thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông. Thường xuyên làm việc với các Phòng/Ban, đơn vị trực thuộc để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chấn chỉnh kịp thời những tồn tại.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở kết quả hoạt động năm 2023 cùng với những nhận định, đánh giá về cơ hội, thách thức trong năm 2024, Hội đồng quản trị Tổng công ty định hướng hoạt

động năm 2024 như sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước; giám sát việc thực hiện các Quy chế đã ban hành; thực hiện các sửa đổi, bổ sung cần thiết đối với các quy chế quản lý đã ban hành nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản trị của Tổng công ty;
- Bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để có các Nghị quyết và Quyết định kịp thời đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2024 và trong giai đoạn tiếp theo; thực hiện tốt kế hoạch phát triển mở rộng mạng lưới và gia tăng thị phần gắn liền với đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiên cứu và triển khai phương án kinh doanh sản phẩm mới và nhu cầu tiêu thụ LPG mới phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng.
- Chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số tại Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, gia tăng trải nghiệm khách hàng và nâng cao công tác quản trị nội bộ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch (Đến ngày 17/05/2023)	0 CP	Không điều hành
2	Nguyễn Quang Định	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2023)	0 CP	Điều hành
2	Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên	0 CP	Điều hành
2	Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên	34.084 CP	Điều hành
4	Giang Trung Kiên	Ủy viên	0 CP	Thành viên độc lập
5	Trần Vũ Nam	Ủy viên	3.006.408 CP	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không có các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2023, Hội đồng quản trị Tổng công ty Gas Petrolimex (HĐQT) đã tổ chức nhiều phiên họp dưới các hình thức khác nhau, từ họp tập trung đến các hình thức trực tuyến, hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp với những quy định hiện hành tại Điều lệ Tổng công ty. Tại các phiên họp, trên cơ sở những báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình hoạt động của Tổng công ty cũng như các giải pháp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, các thành viên HĐQT đã đi sâu bàn bạc, phân tích để từ đó có những chỉ đạo sát với tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua nhiều hình thức đa dạng như chỉ đạo trực tiếp tại mỗi cuộc họp và/hoặc Nghị quyết sau mỗi cuộc họp. Các hoạt

động cụ thể trong năm như sau:

❖ *Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Trên cơ sở rà soát, đánh giá, phân tích những kết quả đã đạt được trong năm 2022; phân tích kỹ dự báo về tình hình kinh tế-xã hội, những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2023; HĐQT đã có những chỉ đạo sát sao đối với Ban điều hành về việc triển khai xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Sau khi được Đại hội cổ đông thông qua Kế hoạch, Hội đồng quản trị đã triển khai giao kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho Tổng công ty và các công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao, HĐQT đã luôn bám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch của Tổng công ty. Tại từng phiên họp HĐQT, trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc, HĐQT đã phân tích, đánh giá và đưa ra những nhận định, chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế và sự biến động của môi trường kinh doanh từ đó đảm bảo các mục tiêu phát triển ngắn hạn cũng như trung dài hạn của Tổng công ty.

Trong năm 2023, trước ảnh hưởng tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế trong nước chậm lại; trong bối cảnh thị phần của Tổng công ty đang có xu hướng giảm sút; trên cơ sở vừa đảm bảo mục tiêu hoạt động hiệu quả và giữ vững thị phần; sau khi xem xét nỗ lực tối đa của Ban điều hành về khả năng thực hiện kế hoạch của Tổng công ty; HĐQT đã đề xuất Phương án điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận, trình ĐHCĐ bất thường thông qua (qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản). Lợi nhuận trước thuế sau điều chỉnh là 135 tỷ đồng, tương ứng tỷ suất lợi nhuận trên Vốn điều lệ là 22% và trên Vốn chủ sở hữu là 17%; đây là mức tỷ suất lợi nhuận tương đối khá so với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn năm 2023 và là mức rất cao so với các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành hàng LPG.

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, giá CP biến động mạnh gây ảnh hưởng bất lợi tới hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty, nhưng nhờ có sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, nỗ lực của Ban điều hành, kết quả sản xuất kinh doanh vẫn đảm bảo hoàn thành được kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu thuần hàng hóa, dịch vụ đạt 3.544 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch và bằng 85% so với thực hiện năm 2022 (doanh thu giảm chủ yếu do bình quân giá CP năm 2023 giảm so với năm 2022); Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 135,6 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch và bằng 85% thực hiện năm 2022.

❖ *Công tác tổ chức và đổi mới mô hình hoạt động*

Tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức hoạt động theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường... HĐQT thường xuyên chỉ đạo rà soát, đánh giá các mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

- Sắp xếp lại mô hình tổ chức Phòng kinh doanh của các Công ty thành viên thống nhất trong toàn Tổng công ty; Thành lập tổ bán hàng trực tuyến và dịch vụ sau bán hàng trực thuộc Phòng kinh doanh Gas Dân dụng và thương mại.
- Thực hiện các công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê duyệt bổ nhiệm/bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ theo qui định.
- Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, tiết kiệm tối đa lao động, đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động để từng bước nâng cao năng suất lao động.
- Đẩy mạnh công tác phối hợp, hỗ trợ các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam để mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần của Tổng công ty; đồng thời khai thác tốt hơn mạng lưới phân phối riêng có của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, tạo sự phát triển ổn định và bền vững;
- Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh;

❖ *Đối với công tác đầu tư cơ sở vật chất ngành hàng:*

Công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng để phục vụ tốt hơn cho công tác bán hàng. Trong năm 2023, Tổng công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh triển khai các công trình trọng điểm như Dự án Di dời Trạm nạp LPG Quảng Bình; đồng thời, rà soát tổng thể và thực hiện duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các Nhà máy, Trạm chiết nạp đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, môi trường xanh, sạch, đẹp. Ngoài ra trong năm 2023, Tổng công ty đã tiến hành đầu tư bổ sung máy đóng nạp, máy bơm để tăng công suất đóng nạp tại các trạm nạp. Đầu tư trang bị mới xe tải và xe con phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

❖ *Công tác hoàn thiện các quy chế quản lý:*

Trong năm, HĐQT đã phê duyệt và ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ.

❖ *Đánh giá hoạt động quản lý, giám sát năm 2023:*

Năm 2023, HĐQT Tổng công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và việc chấp hành các chế độ chính sách của Đảng và Nhà Nước. Tại các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh do Tổng giám đốc trình bày, HĐQT đã kịp thời có những chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty. Thông qua các Nghị quyết, Quyết định HĐQT đã nêu ra các định hướng, giải pháp đúng đắn và kịp thời để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua và giao nhiệm vụ;

Thường xuyên rà soát việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cũng như các Quy chế quản lý của Tổng công ty đảm bảo sự phù hợp với tình hình phát triển của Tổng công ty. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các Quy chế đã ban hành; thường xuyên xem xét các kiến nghị của Tổng giám đốc để

có những điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp;

Tiếp tục thực hiện chính sách phát triển mạng lưới qua các công ty xăng dầu trong hệ thống của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam cũng như hệ thống các cửa hàng trực thuộc do Tổng công ty quản lý nhằm mở rộng thị trường, gia tăng thị phần đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững

Đối với công tác đầu tư xây dựng: HĐQT luôn bám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư lớn, kịp thời ban hành các Nghị quyết điều chỉnh, thay đổi nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh công tác triển khai các dự án đầu tư.

❖ *Nghị quyết đã được HĐQT ban hành trong năm 2023*

Trong năm 2023, thông qua các phiên họp hoặc dưới hình thức tập trung, trực tiếp, hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành Nghị quyết lãnh đạo, điều hành theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật và của Tổng công ty, cụ thể:

Số TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	002/PGC-NQ-HĐQT	12/01/2023	Quyết toán quỹ tiền lương người lao động năm 2022
2	006/PGC-NQ-HĐQT	12/01/2023	Ban hành bảng lương Tổng công ty Gas Petrolimex
3	022/PGC-NQ-HĐQT	24/01/2023	NQ phiên họp HĐQT tháng 01 năm 2023
4	025/PGC-NQ-HĐQT	20/02/2023	Tạm giao kế hoạch SXKD 2023
5	035/PGC-NQ-HĐQT	24/02/2023	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ 2023
6	037/PGC-NQ-HĐQT	28/02/2023	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc
7	039/PGC-NQ-HĐQT	06/03/2023	Phê nhân sự làm thủ tục bổ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc
8	041/PGC-NQ-HĐQT	24/03/2023	Phê duyệt chủ trương tách chức danh Chủ tịch, Giám đốc PGC Hà Nội, bổ sung vị trí Giám đốc PGC Hà Nội và làm thủ tục bổ nhiệm lại Chủ tịch PGC Hà Nội
9	042/PGC-NQ-HĐQT	24/03/2023	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
10	097/PGC-NQ-HĐQT	28/03/2023	Bổ nhiệm lại chủ tịch, phê duyệt bổ nhiệm lại Phó giám đốc và giao nhiệm vụ giám đốc PGC HN
11	237/PGC-NQ-HĐQT	04/04/2023	Lùi thời gian tổ chức ĐHCĐ 2023
12	104/PGC-NQ-HĐQT	18/04/2023	Xếp loại các công ty TNHH Gas Petrolimex TV
13	105/PGC-NQ-HĐQT	18/04/2023	Phê duyệt Chủ tịch công đoàn TCT chuyên

			trách
14	114/PGC-NQ-HĐQT	04/05/2023	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình: Mở rộng sức chứa NM LPG Đà Nẵng
15	117/PGC-NQ-HĐQT	15/05/2023	Phê duyệt nội dung chương trình, tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2023 của Tổng công ty Gas Petrolimex
16	118/PGC-NQ-HĐQT	17/05/2023	Bầu Chủ tịch HĐQT Tổng công ty
17	121/PGC-NQ-HĐQT	26/05/2023	Phân phối quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm 2022
18	129/PGC-NQ-HĐQT	07/06/2023	Thành lập Ban tổ chức kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty
19	132/PGC-NQ-HĐQT	14/06/2023	Thành lập Ban triển khai thực hiện chuyển đổi số tại Tổng công ty
20	134/PGC-NQ-HĐQT	30/06/2023	NQ phiên họp tháng 06 năm 2023
21	137/PGC-NQ-HĐQT	17/07/2023	Điều chỉnh KH tiền lương, thù lao đối với người quản lý TCT năm 2023
22	138/PGC-NQ-HĐQT	21/07/2023	Chốt danh sách cổ đông trả cổ tức còn lại năm 2022
23	139/PGC-NQ-HĐQT	21/07/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2023
24	140/PGC-NQ-HĐQT	21/07/2023	Điều chỉnh, sắp xếp mô hình kinh doanh các Công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên
25	141/PGC-NQ-HĐQT	24/07/2023	NQ phiên họp tháng 07 năm 2023
26	149/PGC-NQ-HĐQT	27/07/2023	Tổ chức, sắp xếp lại các chi nhánh của Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ
27	156/PGC-NQ-HĐQT	18/08/2023	NQ phiên họp tháng 08 năm 2023
28	157/PGC-NQ-HĐQT	28/09/2023	Phê duyệt nhân sự bổ nhiệm KTT PGC Hà Nội
29	160/PGC-NQ-HĐQT	12/10/2023	Mở bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng của Công ty TNHH KURZ Việt nam
30	161/PGC-NQ-HĐQT	24/10/2023	Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023
31	162/PGC-NQ-HĐQT	25/10/2023	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
32	164/PGC-NQ-HĐQT	31/10/2023	NQ phiên họp tháng 10 năm 2023
33	176/PGC-NQ-HĐQT	06/12/2023	NQ phiên họp tháng 11 năm 2023
34	177/PGC-NQ-HĐQT	13/12/2023	Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ
35	183/PGC-NQ-HĐQT	29/12/2023	Bổ nhiệm KSV Tổng công ty tại các công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Trong năm, thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và các lần lấy ý kiến bằng văn bản, chủ động đưa ra các ý kiến thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng về các nội dung xin ý kiến. Từ đó biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của Tổng công ty và cổ đông.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu
1	Kiều Văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát Chuyên trách	0 CP
2	Lê Thị Hải	Thành viên Ban Kiểm soát Chuyên trách	19 CP
3	Doãn Duy Đạo	Thành viên Ban Kiểm soát Kiêm nhiệm	0 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tiến hành các cuộc họp thường kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi để thực hiện công việc trong công tác kiểm soát.
- Ban Kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023. Giám sát tính thực thi nội dung những quyết nghị của Hội đồng Quản trị (HĐQT) sau mỗi phiên họp.
- Tham dự 100% các cuộc họp định kỳ của HĐQT và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.
- Tham dự các phiên họp giao ban, họp theo chuyên đề của Ban Điều hành để tham gia ý kiến đối với việc chỉ đạo hoạt động SXKD.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng tháng, quý do Ban Điều hành chuẩn bị để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát.
- Tham gia giám sát và có ý kiến về việc xây dựng KH SXKD năm và giao KH SXKD cho các đơn vị.
- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy trình quản lý.
- Xem xét và có ý kiến về những vấn đề được đưa ra trong báo cáo của Kiểm toán độc lập, Báo cáo gửi các cơ quan chức năng.
- Thực hiện giám sát thường xuyên, định kỳ, đã đánh giá toàn diện tình hình thực hiện KH SXKD năm 2023 và việc triển khai một số chính sách lớn trong công tác kinh doanh như: Công tác tạo nguồn và đảm bảo nguồn hàng, công tác phát triển mạng lưới bán hàng, công tác thực hiện cơ chế khoán toàn diện đối với các Cửa hàng, Chi nhánh, quản lý vô bình, quản lý công nợ, công tác tổ chức, lao động, tiền lương, công tác đầu tư XDCB, CNTT...đối với Tổng công ty. Thực hiện kiểm tra toàn diện các mặt quản lý, hoạt động SXKD năm 2023 tại công ty mẹ. Sau kiểm tra, giám sát đã có kiến nghị kịp thời với HĐQT và Ban Điều hành đối với những vấn đề còn tồn tại, những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

a) Lương, thù lao:

- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của

Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ban quản lý điều hành Tổng công ty được thưởng từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2023 là: 821,4 triệu đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Tiền thưởng thực hiện
I	Hội đồng quản trị		71,46
1	Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty (01/01/2023-17/05/2023)	29,19
2	Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	18,45
3	Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm (cổ đông bên ngoài; từ 14/04/2022)	13,07
4	Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm (01/01/2022-14/4/2022)	5,38
5	Ông Phan Phương Anh	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm (01/01/2022-14/4/2022)	5,38
II	Ban Kiểm soát		169,59
1	Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	92,23
2	Bà Lê Thị Hải	Thành viên BKS chuyên trách	64,46
3	Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên BKS kiêm nhiệm	12,89
III	Ban điều hành		580,36
1	Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc; Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	131,76
2	Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	92,23
3	Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc; Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	92,23
4	Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc	92,23
5	Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc	92,23
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	79,67
	Tổng cộng		821,42

- Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.
- Căn cứ Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS

và Ban điều hành năm 2023, Tổng công ty dự kiến trình ĐHCĐ thường niên 2024 thông qua. Tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành năm 2023 dự kiến được trả như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao thực hiện
I	Hội đồng quản trị		1.059,08
1	Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm (đến 17/5/2023); Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	88,51
2	Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch HĐQT (từ 17/5/2023)	685,36
2	Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	142,60
3	Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	142,60
II	Ban Kiểm soát		1.311,00
1	Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	713,02
2	Bà Lê Thị Hải	Thành viên BKS chuyên trách	498,32
3	Doãn Duy Đạo	Thành viên BKS kiêm nhiệm	99,66
III	Ban điều hành		4.771,58
1	Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc; Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	1.018,39
2	Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	713,02
3	Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	365,03
4	Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc	713,02
5	Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc	713,02
6	Ông Bùi Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc	527,74
7	Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm	105,55
8	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	615,82
	Tổng cộng		7.141,66

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống nội quy, quy chế, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Gas Petrolimex và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

(Trích dẫn từ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm theo báo cáo)

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX-CTCP *Ha*


Deal
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Quang





Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch (<i>từ ngày 17/5/2023</i>)
Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch (<i>đến ngày 17/5/2023</i>)
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên
Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 1/4/2023</i>)
Ông Bùi Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 1/4/2023</i>)
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 1/7/2023</i>)

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00213-24-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-03-2024**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.895.536.812.235	1.912.555.317.945
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	69.346.756.213	51.142.685.869
Tiền	111		69.346.756.213	51.142.685.869
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.204.858.624.260	1.256.534.282.544
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(1.951.375.740)	(1.875.717.456)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.204.200.000.000	1.255.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		415.105.982.269	418.188.329.143
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	369.321.654.716	355.467.343.509
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.513.377.917	1.955.614.925
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	41.683.466.535	61.438.045.458
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(448.724.049)	(739.064.759)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		36.207.150	66.390.010
Hàng tồn kho	140	8	175.751.641.472	150.777.521.308
Hàng tồn kho	141		175.751.641.472	152.671.782.778
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.894.261.470)
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.473.808.021	35.912.499.081
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.144.542.288	5.996.157.795
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.874.727.692	29.329.603.103
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.454.538.041	586.738.183

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		640.381.829.366	609.036.938.202
Các khoản phải thu dài hạn	210		181.468.408	264.386.408
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	82.919.000	165.837.000
Phải thu dài hạn khác	216		98.549.408	98.549.408
Tài sản cố định	220		299.420.758.895	284.716.220.881
Tài sản cố định hữu hình	221	9	232.995.541.257	217.760.748.400
Nguyên giá	222		937.925.424.428	884.402.842.508
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(704.929.883.171)	(666.642.094.108)
Tài sản cố định vô hình	227	10	66.425.217.638	66.955.472.481
Nguyên giá	228		80.717.609.184	80.757.637.184
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.292.391.546)	(13.802.164.703)
Bất động sản đầu tư	230	11	6.278.324.549	6.460.917.881
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.764.840.716)	(2.582.247.384)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.324.394.154	44.632.060.911
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	8.324.394.154	44.632.060.911
Đầu tư tài chính dài hạn	250		77.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		77.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		249.176.883.360	272.963.352.121
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	244.495.501.779	267.309.640.293
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	4.681.381.581	5.653.711.828
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.535.918.641.601	2.521.592.256.147

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.666.953.675.858	1.714.306.262.596
Nợ ngắn hạn	310		1.601.285.862.840	1.660.459.228.809
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	318.355.602.047	475.638.861.069
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.295.126.878	9.313.070.367
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	15.744.332.396	13.988.497.504
Phải trả người lao động	314		52.214.751.379	36.190.842.122
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.892.878.485	7.453.358.450
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		55.055.877	220.449.673
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	20.591.738.714	85.108.529.098
Vay ngắn hạn	320	19	1.163.262.120.514	1.012.040.975.052
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	16.905.075.156
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	2.874.256.550	3.599.570.318
Nợ dài hạn	330		65.667.813.018	53.847.033.787
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	65.667.813.018	53.847.033.787
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		868.964.965.743	807.285.993.551
Vốn chủ sở hữu	410	21	868.964.965.743	807.285.993.551
Vốn cổ phần	411	22	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	22	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		156.674.720.641	146.665.416.338
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.013.940.939	48.611.089.803
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(286.564.246)	(332.139.946)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		95.300.505.185	48.943.229.749
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.899.624.163	8.632.807.410
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.535.918.641.601	2.521.592.256.147

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:


Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.623.660.090.524	4.088.763.575.002
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	79.693.771.190	74.405.204.643
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	3.543.966.319.334	4.014.358.370.359
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.884.187.219.856	3.404.579.921.043
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		659.779.099.478	609.778.449.316
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	93.786.558.853	81.850.140.009
Chi phí tài chính	22	28	75.280.145.788	63.984.997.734
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		68.174.255.008	55.983.069.708
Chi phí bán hàng	25	29	381.522.708.901	338.177.945.879
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	162.393.426.674	136.196.148.345
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		134.369.376.968	153.269.497.367
Thu nhập khác	31	31	4.559.562.028	7.863.762.867
Chi phí khác	32		3.323.179.304	920.830.974
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.236.382.724	6.942.931.893
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		135.605.759.692	160.212.429.260
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	32.724.578.890	34.272.310.781
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	972.330.247	(677.678.330)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		101.908.850.555	126.617.796.809

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		101.908.850.555	126.617.796.809
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		95.300.505.185	121.350.371.748
Cổ đông không kiểm soát	62		6.608.345.370	5.267.425.061
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.235	1.669

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng
Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	135.605.759.692	160.212.429.260
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	44.472.248.390	47.327.950.941
Các khoản dự phòng	03	(19.014.019.052)	(11.582.890.843)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(71.220.419)	(4.673.536.552)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(87.072.731.908)	(74.207.164.624)
Chi phí lãi vay	06	68.174.255.008	55.983.069.708
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	142.094.291.711	173.059.857.890
Biến động các khoản phải thu	09	(10.711.261.966)	26.412.202.420
Biến động hàng tồn kho	10	(23.079.858.694)	44.407.590.593
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(89.436.185.016)	82.995.058.678
Biến động chi phí trả trước	12	21.135.458.159	(15.277.994.425)
		40.002.444.194	311.596.715.156
Tiền lãi vay đã trả	14	(70.384.033.547)	(54.476.707.675)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.773.716.784)	(32.461.525.262)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.787.204.444)	(20.385.579.033)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(88.942.510.581)	204.272.903.186

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(34.802.678.400)	(46.128.103.238)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	792.941.911	404.165.664
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.135.700.000.000)	(1.496.100.000.000)
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	2.110.300.000.000	1.391.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	105.839.994.146	39.393.410.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	46.430.257.657	(110.630.527.341)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.777.594.791.228	3.093.761.976.480
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.626.373.645.766)	(3.104.626.629.181)
Tiền trả cổ tức	36	(90.504.417.420)	(90.534.658.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	60.716.728.042	(101.399.311.254)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	18.204.475.118	(7.756.935.409)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	51.142.685.869	58.899.786.471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(404.774)	(165.193)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	69.346.756.213	51.142.685.869

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Phạm Văn Học
 Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hữu Quang
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2023: 6 công ty con) như sau:

			31/12/2023 và 1/1/2023 % sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 1.082 nhân viên (1/1/2023: 1.080 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần trăm sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ tài sản khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 40 - 60 năm. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho các lô đất mà có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Vỏ bình gas*

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

(ii) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu là phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	4.745.098.670	3.672.143.201
Tiền gửi ngân hàng	64.601.657.543	47.435.818.668
Tiền đang chuyển	-	34.724.000
	69.346.756.213	51.142.685.869

5. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Chứng khoán kinh doanh**

		31/12/2023		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	658.624.260	(1.951.375.740)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

			1/1/2023	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	734.282.544	(1.875.717.456)

(*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		31/12/2023	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		1.204.200.000.000	1.204.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		77.000.000.000	(*)
		1.281.200.000.000	1.204.200.000.000

		1/1/2023	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		1.255.800.000.000	1.255.800.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	369.321.654.716	355.467.343.509
Dài hạn	82.919.000	165.837.000
	<hr/>	<hr/>
	369.404.573.716	355.633.180.509
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	6.703.202.998	7.889.309.306
Công ty TNHH Xăng Dầu Lâm Đồng	6.931.231.572	6.084.642.640
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lào Cai	4.677.721.350	5.855.269.075
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam khác	80.822.908.061	61.491.522.177
	<hr/>	<hr/>
	99.135.063.981	81.320.743.198
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.301.852.876	48.278.204.658
Phải thu người lao động	7.933.638.626	7.280.238.287
Hàng hóa cho mượn sản xuất	-	25.810.200
Phải thu ngắn hạn khác	4.447.975.033	5.853.792.313
	<hr/>	<hr/>
	41.683.466.535	61.438.045.458
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	42.877.241.130	-	14.348.995.556	-
Nguyên vật liệu	42.892.078.285	-	43.671.023.341	-
Công cụ và dụng cụ	998.357.908	-	1.575.921.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.017.177.832	-	2.670.464.227	-
Thành phẩm	2.221.681.417	-	1.047.054.861	-
Hàng hóa	77.588.069.571	-	89.358.323.793	(1.894.261.470)
Hàng gửi bán	3.157.035.329	-	-	-
	175.751.641.472	-	152.671.782.778	(1.894.261.470)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	398.173.441.442	349.636.143.707	114.644.714.459	16.979.932.673	4.968.610.227	884.402.842.508
Tăng trong năm	587.678.885	286.037.500	-	385.634.745	-	1.259.351.130
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	2.676.713.179	42.287.445.980	10.293.824.426	109.427.272	261.187.590	55.628.598.447
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	199.828.000	-	-	-	-	199.828.000
Thanh lý	(325.761.601)	(1.006.772.842)	(1.425.893.471)	-	-	(2.758.427.914)
Xóa sổ	-	(806.767.743)	-	-	-	(806.767.743)
Số dư cuối năm	401.311.899.905	390.396.086.602	123.512.645.414	17.474.994.690	5.229.797.817	937.925.424.428
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	267.677.028.019	297.014.424.781	84.395.629.205	13.228.330.220	4.326.681.883	666.642.094.108
Khấu hao trong năm	12.801.756.016	18.524.920.720	8.263.940.554	1.427.236.192	251.278.871	41.269.132.353
Thanh lý	(325.761.601)	(985.505.926)	(863.308.020)	-	-	(2.174.575.547)
Xóa sổ	-	(806.767.743)	-	-	-	(806.767.743)
Số dư cuối năm	280.153.022.434	313.747.071.832	91.796.261.739	14.655.566.412	4.577.960.754	704.929.883.171
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	130.496.413.423	52.621.718.926	30.249.085.254	3.751.602.453	641.928.344	217.760.748.400
Số dư cuối năm	121.158.877.471	76.649.014.770	31.716.383.675	2.819.428.278	651.837.063	232.995.541.257

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 335.938 triệu VND (1/1/2023: 272.919 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	68.973.538.448	11.784.098.736	80.757.637.184
Tăng trong năm	-	159.800.000	159.800.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(199.828.000)	-	(199.828.000)
Số dư cuối năm	68.773.710.448	11.943.898.736	80.717.609.184
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.857.636.290	10.944.528.413	13.802.164.703
Khấu hao trong năm	208.243.572	281.983.271	490.226.843
Số dư cuối năm	3.065.879.862	11.226.511.684	14.292.391.546
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	66.115.902.158	839.570.323	66.955.472.481
Số dư cuối năm	65.707.830.586	717.387.052	66.425.217.638

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 10.592 triệu VND (1/1/2023: 10.552 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.924.770.001	657.477.383	2.582.247.384
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	2.063.910.001	700.930.715	2.764.840.716
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.032.635.469	1.428.282.412	6.460.917.881
Số dư cuối năm	4.893.495.469	1.384.829.080	6.278.324.549

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	44.632.060.911	2.797.301.826
Tăng trong năm	19.320.931.690	50.279.513.466
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(55.628.598.447)	(8.093.177.381)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	-	(351.577.000)
Số dư cuối năm	8.324.394.154	44.632.060.911

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công trình mở rộng sức chứa LPG Đà Nẵng	-	41.627.924.146
Lắp đặt bồn chi nhánh Quảng Bình và Khánh Hòa	1.532.422.413	1.342.196.379
Công trình kho LPG Quảng Bình	6.047.290.017	82.944.273
Các công trình khác	744.681.724	1.578.996.113
	8.324.394.154	44.632.060.911

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	223.155.239.981	22.823.269.167	21.331.131.145	267.309.640.293
Tăng trong năm	26.638.196.198	1.875.827.060	9.222.995.591	37.737.018.849
Phân bổ trong năm	(49.282.852.931)	(2.530.295.862)	(8.485.300.608)	(60.298.449.401)
Thanh lý	(247.046.632)	-	(5.661.330)	(252.707.962)
Số dư cuối năm	200.263.536.616	22.168.800.365	22.063.164.798	244.495.501.779

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	4.681.381.581	5.653.711.828

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	354.500.998	1.477.334.135
Bên khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	126.882.007.306	273.533.734.243
Công ty TNHH EI Corporation	108.654.052.518	164.768.303.902
Itochu Petroleum Co., Pte.Ltd	42.886.335.624	-
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	10.814.348.949	-
Các nhà cung cấp khác	28.764.356.652	35.859.488.789
	<hr/>	<hr/>
	318.355.602.047	475.638.861.069

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2023		Số phát sinh trong năm		Số bù trừ/đã nộp trong năm		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phát sinh trong năm VND	Số bù trừ/đã nộp trong năm VND	Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	(72.428.082)	1.746.048.693	919.575.690.770	(916.434.317.497)	-	-	4.814.993.884	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.013.903.059	74.591.316.672	(74.501.064.433)	-	-	1.104.155.298	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(37.862.343)	10.412.608.925	32.724.578.890	(36.773.716.784)	(352.868.260)	(352.868.260)	6.678.476.948	-
Thuế thu nhập cá nhân	(476.447.758)	799.254.625	6.351.392.862	(6.631.330.182)	(568.507.474)	(568.507.474)	611.377.021	-
Thuế nhập khẩu	-	-	26.991.768.300	(24.456.439.055)	-	-	2.535.329.245	-
Thuế khác	-	16.682.202	1.932.175.953	(2.482.020.462)	(533.162.307)	(533.162.307)	-	-
	(586.738.183)	13.988.497.504	1.062.166.923.447	(1.061.278.888.413)	(1.454.538.041)	(1.454.538.041)	15.744.332.396	-

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi vay	885.195.899	3.094.974.438
Trích trước chi phí hoạt động	4.007.682.586	4.358.384.012
	4.892.878.485	7.453.358.450

18. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.991.300.114	2.234.019.727
Cổ tức phải trả	320.484.500	76.888.116.420
Hàng mượn Công ty TNHH Khí hóa lỏng Thăng Long	11.663.496.130	-
Phải trả ngắn hạn khác	5.616.457.970	5.986.392.951
	20.591.738.714	85.108.529.098

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.012.040.975.052	2.777.594.791.228	(2.626.373.645.766)	1.163.262.120.514

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng B.O.C (i)	VND	297.413.000.000	118.258.938.433
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	234.921.034.428	170.745.401.439
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	237.070.412.048	376.596.719.569
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	VND	199.133.349.296	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	170.288.711.319	186.047.187.554
Ngân hàng BNP Paribas (i)	VND	24.435.613.423	118.856.739.265
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	VND	-	27.330.423.322
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	-	8.300.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	-	5.905.565.470
		1.163.262.120.514	1.012.040.975.052

- (i) Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	3.599.570.318	3.011.003.503
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	21.061.890.676	20.974.145.848
Sử dụng trong năm	(21.787.204.444)	(20.385.579.033)
Số dư cuối năm	2.874.256.550	3.599.570.318

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	603.426.380.000	(49.700.000)	132.215.412.587	119.247.893.803	13.912.679.353	868.752.665.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	121.350.371.748	5.267.425.061	126.617.796.809
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.450.003.751	(14.450.003.751)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(20.655.030.997)	(319.114.851)	(20.974.145.848)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(156.882.141.000)	(10.228.182.153)	(167.110.323.153)
Số dư tại ngày 1/1/2023	603.426.380.000	(49.700.000)	146.665.416.338	48.611.089.803	8.632.807.410	807.285.993.551
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	95.300.505.185	6.608.345.370	101.908.850.555
Phân bổ vào các quỹ	-	-	10.009.304.303	(10.009.304.303)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(20.786.564.246)	(275.326.430)	(21.061.890.676)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(18.101.785.500)	(1.066.202.187)	(19.167.987.687)
Số dư tại ngày 31/12/2023	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	95.013.940.939	13.899.624.163	868.964.965.743

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Cổ tức

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2023 về việc chia cổ tức năm 2022, tại cuộc họp ngày 17 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối cổ tức năm 2022 bằng tiền là 90.509 triệu VND, trong đó có 72.407 triệu VND đã tạm ứng trong năm 2022 (2022: 84.475 triệu VND).



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	45.939,24	1.106.211.500	839,66	19.765.839
Euro (“EUR”)	114,62	3.022.529	124,42	3.097.907
		<u>1.109.234.029</u>		<u>22.863.746</u>

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và ký cược, ký quỹ và bình gas	3.589.565.694.723	4.052.376.871.964
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.276.782.311	32.603.788.220
▪ Doanh thu cho thuê	3.201.181.890	3.782.914.818
▪ Doanh thu khác	2.616.431.600	-
	<u>3.623.660.090.524</u>	<u>4.088.763.575.002</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(61.211.991.232)	(56.546.693.106)
▪ Hàng bán bị trả lại	(18.481.779.958)	(17.858.511.537)
	<u>(79.693.771.190)</u>	<u>(74.405.204.643)</u>
Doanh thu thuần	<u>3.543.966.319.334</u>	<u>4.014.358.370.359</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	2.863.872.437.906	3.372.775.169.247
▪ Cung cấp dịch vụ	20.117.939.905	29.068.296.615
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.091.103.515	2.865.759.017
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.894.261.470)	(129.303.836)
	<hr/> 2.884.187.219.856	<hr/> 3.404.579.921.043

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	86.863.642.364	73.828.810.619
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.832.033.070	3.226.917.358
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.220.419	4.673.536.552
Cổ tức được chia	-	100.000.000
Doanh thu khác	19.663.000	20.875.480
	<hr/> 93.786.558.853	<hr/> 81.850.140.009

28. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	68.174.255.008	55.983.069.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.030.232.496	6.216.362.863
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	75.658.284	853.721.886
Chi phí khác	-	931.843.277
	<hr/> 75.280.145.788	<hr/> 63.984.997.734

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	95.475.270.328	91.167.595.196
Chi phí khấu hao	3.855.134.963	3.643.437.869
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	49.282.852.931	52.996.306.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.984.809.003	81.364.363.865
Chi phí bán hàng khác	143.924.641.676	109.006.242.049
	<hr/>	
	381.522.708.901	338.177.945.879
	<hr/>	

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	79.300.214.388	72.227.663.877
Chi phí khấu hao	5.916.441.595	5.422.358.404
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(290.340.710)	(1.636.134.948)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.484.794.167	28.100.664.097
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	45.982.317.234	32.081.596.915
	<hr/>	
	162.393.426.674	136.196.148.345
	<hr/>	

31. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	209.089.544	298.926.205
Lãi thanh lý vỏ bình	-	1.330.042.318
Chênh lệch thừa kiểm kê hàng tồn kho	3.523.889.214	3.584.025.622
Thu nhập khác	826.583.270	2.650.768.722
	<hr/>	
	4.559.562.028	7.863.762.867
	<hr/>	

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	222.334.237.351	277.572.521.482
Chi phí nhân viên	252.946.121.299	223.513.092.884
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.472.248.390	47.327.950.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.272.383.306	167.419.287.178
Chi phí khác	239.828.546.436	194.094.516.209

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	31.655.091.833	34.272.310.781
Dự phòng thừa trong những năm trước	1.069.487.057	-
	32.724.578.890	34.272.310.781
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	972.330.247	(677.678.330)
	33.696.909.137	33.594.632.451

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	135.605.759.692	160.212.429.260
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	27.121.151.938	32.042.485.852
Thu nhập không bị tính thuế	-	(20.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.502.162.946	1.540.163.432
Biến động các chênh lệch tạm thời	4.107.196	31.983.167
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.069.487.057	-
	33.696.909.137	33.594.632.451



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

	2023	2022
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	95.300.505.185	121.350.371.748
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(20.786.564.246)	(20.655.030.997)
	74.513.940.939	100.695.340.751
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	60.339.285	60.339.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.235	1.669

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 20.787 triệu VND, căn cứ trên kết quả kinh doanh và số đã trích cho năm 2023.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Cổ tức trả bằng tiền trong năm	9.481.289.700	44.246.018.600
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	62.807.417.850	77.425.210.300
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	49.387.740.920	61.863.173.300
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa	33.745.407.900	51.928.055.450
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	39.113.827.320	44.610.380.240
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	37.886.667.500	45.556.226.450
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i>		
Bán hàng hóa	25.895.286.150	28.920.718.320
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>		
Bán hàng hóa	40.916.310.435	43.292.779.361
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i>		
Bán hàng hóa	38.993.766.200	45.408.042.900
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	715.823.017.343	785.018.243.171

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Lương thưởng và thù lao		
Ông Nguyễn Quang Định – Chủ tịch (từ ngày 17/5/2023)	614.555.955	-
Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch (đến ngày 17/5/2023)	55.416.000	227.910.205
Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên	104.004.000	144.026.883
Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc	897.167.687	1.065.540.126
Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	628.096.910	745.934.258
Ông Giang Trung Kiên – Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	104.004.000	103.367.913
Ông Phan Phương Anh – Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)	-	40.658.971
Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác		
Lương thưởng và thù lao		
Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc	290.707.364	745.934.258
Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc	628.096.910	745.934.258
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc	626.514.800	745.934.258
Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	82.776.000	-
Ông Bùi Thanh Định – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	483.357.274	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng	542.491.249	644.267.013
Ban Kiểm soát		
Lương và thù lao		
Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban	627.885.392	745.934.258
Bà Lê Thị Hải – Thành viên	438.971.901	521.629.730
Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên	72.686.000	26.067.552

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTT

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc